

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUY TIÊN  
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18/10/2024

“V/v ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Mạnh Xuân Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Văn Hoàng, ông Nguyễn Văn Thế.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa:** bà Phan Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “L y hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXX- HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976; có mặt.

2/ Bị đơn: Chị Trần Thị Hồng D, sinh năm 1980; có mặt.

Các đương sự cùng có địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh kết hôn với chị Trần Thị Hồng D trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn vào ngày 17/3/2000.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, anh nghi ngờ chị D sống không chung thủy với anh và vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

\* Tại bản tự khai ngày 13/5/2024, bị đơn chị Trần Thị Hồng D trình bày: Về điều kiện thủ tục kết hôn như anh Đ trình bày là đúng. Chị cũng thừa nhận sau quá trình chung sống vợ chồng chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, nghi ngờ tình cảm dành cho nhau, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế dẫn đến xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau, thậm chí có lần xảy ra xô xát. Mâu thuẫn của vợ chồng mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và hai người đã sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể cứu vãn được nữa nhưng chị không đồng ý ly hôn nếu chưa giải quyết xong về công nợ chung của vợ chồng.

\* Về con chung: Cả anh Đ và chị D cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu: Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 19/01/2001 và cháu Nguyễn Trần V, sinh ngày 05/9/2008. Hiện tại cháu Q đã trên 18 tuổi, trưởng thành, phát triển bình thường nên anh Đ, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu V chưa đủ 18 tuổi và đang học việc tại Hà Nội, việc liên lạc và chu cấp của cháu V do chị lo liệu, anh Đ không có trách nhiệm gì. Khi ly hôn, quan điểm của anh Đ xin được nuôi cháu V và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị D cũng đề nghị được nuôi cháu V và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng.

Tại bản tự khai ngày 23/5/2024, cháu Nguyễn Trần V có nguyện vọng xin được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

\* Về tài sản, công sức của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Về công nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai bổ sung ngày 26/7/2024, bị đơn chị D yêu cầu Tòa án giải quyết công nợ chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật đối với 32 cá nhân. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Ngày 26/7/2024 Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên đã ban hành Thông báo số 39G/ TB – TA giao cho chị Trần Thị Hồng D. Theo đó, trường hợp chị D là người có yêu cầu giải quyết về công nợ chung của vợ chồng trong vụ án này thì chị phải cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan cho Tòa án xem xét thụ lý đối với từng khoản vay, cụ thể: (Ai là người đứng lên vay? Vay vào thời gian nào? Số tiền vay? Mục đích vay để làm gì? Họ, tên, địa chỉ cụ thể của những người cho vay?..) Để Tòa án xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, hết thời hạn Tòa án thông báo nhưng chị D vẫn không cung cấp tài liệu gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và được bị đơn chị Trần Thị Hồng D đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 28;35;39;147;244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị Hồng D; về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần V cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức chung của vợ chồng: Không đặt ra xem xét; về án phí HNGĐ sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị Hồng D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện D (nay là UBND phường D, thị xã D), tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn vào ngày 17/3/2000 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, mặc dù nguyên đơn là anh Đ và bị đơn là chị D mỗi người đưa ra về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn khác nhau. Song cả hai cùng thừa nhận việc vợ chồng mâu thuẫn và các bên đã tự sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa anh Đ có quan điểm xin ly hôn chị D và được chị D đồng ý. Vì vậy, HĐXX cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị D là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Cả anh Đ và chị D cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 19/01/2001 và Nguyễn Trần V, sinh ngày 05/9/2008. Đối với cháu Q đã trên 18 tuổi, trưởng thành, phát triển bình thường nên khi ly hôn các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quan điểm anh Đ, chị D cùng có nguyện vọng muốn được nuôi cháu V và không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy hiện tại cả anh Đ, chị D đều có nguyện vọng và điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên, quan điểm của cháu V có nguyện vọng xin được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy sau khi cân nhắc mọi mặt, HĐXX cần giao anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được; về cấp dưỡng nuôi con: do anh Đ không yêu cầu nên chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ, chị D được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức:

- Về tài sản chung, công sức chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Tại bản tự khai ban đầu cả anh Đ, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, ngày 26/7/2024 chị D có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết công nợ chung theo quy định của pháp luật. Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu chị D có trách nhiệm cung cấp tài liệu liên quan về công nợ chung của vợ chồng trong vụ án để Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Song hết thời hạn Tòa án thông báo, chị không cung cấp tài liệu gì chứng minh về công nợ chung của vợ chồng với Tòa án.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX không xem xét yêu cầu về công nợ chung của bị đơn chị D trong vụ án này. Sau này các bên có yêu cầu sẽ được Tòa án xem xét, giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do các đương sự thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu số tiền là 150.000 đồng. Anh Đ được đối trừ số tiền tạm ứng án phí HNGĐ đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ:* Các Điều 28; 35; 39; 147 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị Hồng D.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần V, sinh ngày 05/9/2008 kể từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được và chị D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Đ, chị D được quyền thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con theo quy định của pháp luật. Anh Đ và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị D trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ, bị đơn chị Trần Thị Hồng D mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn Đ đã nộp 300.000 đồng (theo biên lai số 0001099 ngày 16/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên). Nay anh Nguyễn Văn Đ được hoàn lại số tiền 150.000 đồng.

4. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND Duy Tiên.
- Chi cục THADS Duy Tiên.
- UBND phường Duy Hải;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mạnh Xuân Hải**



\* Về con chung:

\* Về tài sản chung, công nợ, công sức chung: Anh V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải lần trước, Tòa án đã giao trách nhiệm cho các đương sự có trách nhiệm cung cấp tài liệu thể hiện thu nhập, chứng minh khả năng nuôi con. Giao trách nhiệm cho chị N nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này thì chị phải làm đơn nêu rõ yêu cầu, cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu và phải nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật để Tòa án xem xét, thụ lý yêu cầu của chị giải quyết theo thủ tục chung. Tuy nhiên đã quá thời gian quy định, nhưng tại buổi làm việc hôm nay, cả anh V1 và chị N đều không xuất trình được tài liệu chứng minh thu nhập. Riêng chị N cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu muốn giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

Tóm lại các đương sự cùng thống nhất thỏa thuận được những vấn đề sau:

#### **NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC CÁC ĐƯƠNG SỰ THỐNG NHẤT**

\*Về tình cảm vợ chồng: Thống nhất ly hôn.

\*Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Hà Diễm Q1 đã trên 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V1 và chị N thống nhất để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà Quỳnh A, sinh ngày 09/11/2006 và anh V1 có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Quỳnh A đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được.

#### **NHỮNG NỘI DUNG CÁC ĐƯƠNG SỰ KHÔNG THỐNG NHẤT**

- Về tài sản chung, công nợ, công sức chung: Anh V1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N yêu cầu giải quyết phần tài sản chung của vợ chồng gồm 01 mảnh đất có diện tích khoảng 80m<sup>2</sup> tại làng T, xã D, quận G, thành phố Hà Nội, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUY TIÊN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày 28 tháng 5 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc T.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh T1; bà Lê Thị H

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 163/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” giữa:

\* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ dân phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam;



\* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Tứ H1, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ dân phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam;

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

*Căn cứ:*

- Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

**1.** Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu Y và anh Nguyễn Tứ H1

**2.** Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thu Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H2 sinh ngày 26/6/2016 và cháu Nguyễn Gia L sinh ngày 25/8/2018; Giao anh Nguyễn Tứ H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 10/3/2012 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Chị Y, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị Y, anh H1 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H1, chị Y trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

**3.** Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu Y phải chịu 300.000đ. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Y đã nộp theo biên lai số 0003125 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên được đối trừ khi thi hành án. Án xử công khai sơ thẩm; Chị Nguyễn Thị Thu Y, anh Nguyễn Tứ H1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.